

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 85/NQ-CP), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục quán triệt chủ trương, yêu cầu của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW trong tình hình mới. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 85/NQ-CP; Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10/01/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với vai trò nền tảng quan trọng, vị trí chiến lược lâu dài của nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đưa đất nước vào Kỷ nguyên "Vươn mình, thịnh vượng, giàu mạnh của dân tộc". Tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp.

3. Xác định nhiệm vụ cụ thể của Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, đặc khu để xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và cụ thể hóa các chủ trương, nội dung, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030 tại Kết luận số 219-KL/TW bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế so sánh vùng, miền theo hướng

hiện đại có năng suất, chất lượng cao, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực. Nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc và bền vững. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường; hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, đặc khu bám sát định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW, Kế hoạch số 17-KH/TU, Kế hoạch số 1730/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10/01/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra và tập trung chỉ đạo, tổ chức lồng ghép triển khai các danh mục các nhiệm vụ, đề án, dự án quan trọng, trọng điểm giai đoạn 2026-2030 được giao theo Kế hoạch số 1689/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch của Đảng ủy UBND tỉnh và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2026-2030 để tổ chức triển khai đầy đủ, toàn diện, hiệu quả nhiệm vụ giải pháp nêu trên, đồng thời bổ sung những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu, rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng "2 con số", đưa tỉnh Quảng Trị vững bước vào kỷ nguyên mới. Đổi mới phương thức truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Cập nhật, bổ sung các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong bối cảnh mới đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030 và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tài nguyên và môi trường cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong các chương trình tuyên truyền, học tập, quán triệt.

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, nông dân, nông thôn tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

2. Rà soát, hoàn thiện đầy đủ các thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tạo động lực mới cho phát triển. Phân định rõ vai trò của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tăng cường phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gắn với hoàn thiện thể chế, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của chính quyền địa phương

- Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, xây dựng mới đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới. Có chính sách đột phá, thu hút, huy động sức mạnh của người dân, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn và hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, người dân trên các địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách về thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai, đầu tư... nhằm khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi tối đa cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản. Có chính sách hỗ trợ bảo đảm cho người dân, doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy chuyển đổi xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp và môi trường, để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, vượt trội dựa trên khoa học-công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu trong mọi khâu của quá trình sản xuất, bảo quản, chế biến, logistics và thương mại; coi đây là động lực then chốt phát triển nhanh và bền vững nông nghiệp, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và tài nguyên, môi trường; phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn

lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; tăng cường tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

3. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

- Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; ngăn chặn tình trạng khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU).

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Quyết tâm khắc phục điểm nghẽn pháp chế của ngành, cắt giảm triệt để các điều kiện, thủ tục hành chính để thúc đẩy phát triển khoa học

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tự chủ thực chất; nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng kết nối với doanh nghiệp, thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ của các đơn vị. Tập trung đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao, trọng dụng lực lượng làm nghiên cứu khoa học công nghệ trong khối tư nhân. Thay đổi cách thức đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất phát từ thực tiễn, phục vụ sản xuất, thương mại hóa và quản lý nhà nước, trong đó coi trọng, ưu tiên các lĩnh vực có khả năng đột phá mạnh như công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, công nghệ viễn thám, thăm dò địa chất, khoáng sản... Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và thực chất; coi trọng xây dựng các nền tảng quản trị dữ liệu dùng chung, dữ liệu lớn, đồng bộ về đất đai, tài nguyên nước, rừng, khí tượng thủy văn và đa dạng sinh học, bản đồ số chuyên ngành và các hệ thống dự báo, cảnh báo thông minh.

- Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

- Hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ trong nước, triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng dư thừa, giảm giá gây thiệt hại cho người sản xuất; dự báo và phối hợp với các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ kịp thời nông sản chính vụ; phối hợp tổ chức kết nối thu mua nông sản, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản trong các hệ thống, chuỗi siêu thị lớn, tổ chức các diễn đàn hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản. Phối hợp đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu, đặc biệt với các ngành hàng chủ lực, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm thương hiệu của tỉnh thâm nhập vào hệ thống phân phối quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

- Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc

làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

5. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh gắn với quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá

- Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân. Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; các mô hình phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên và đặc điểm văn hóa, dân tộc, phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ và sạt lở đất.

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực và quản trị hợp tác xã theo hướng chuyên nghiệp, số hóa. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về hợp tác xã và chuỗi giá trị nông sản, làm cơ sở tích hợp điều hành, giám sát chính sách. Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng, tài chính và bảo hiểm nông nghiệp; đầu tư phát triển hạ tầng vùng nguyên liệu, các trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, kho bảo quản, cơ sở chế biến quy mô phù hợp.

6. Tiếp tục hoàn thiện và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên, môi trường đồng bộ, hiện đại. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư.

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu; xây dựng nâng cấp sửa chữa công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả; quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số thông qua các hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân phối, hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước quốc gia. Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển. Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển hạ tầng phục vụ chuỗi cung ứng lạnh, bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Tổng hợp các nguồn lực tài nguyên, đặc biệt là đất đai và rừng, biển, nước... thành giá trị vật chất, hạ tầng và tài chính cho phát triển, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo.

- Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính chất phòng ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng; ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng phân tích, xử lý dữ liệu, mô hình hóa phục vụ cảnh báo và dự báo chất lượng môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; tăng cường hạ tầng quan trắc, viễn thám, cảnh báo môi trường; đầu tư các trung tâm ứng cứu, xử lý sự cố môi trường trọng điểm.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) giai đoạn 2026 - 2035; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, các kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống người dân. Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số, vận hành thông minh để khai thác tối đa hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Cải thiện rõ rệt tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước ngầm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào các chương trình phục hồi rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, đất ngập nước. Phát triển “hạ tầng xanh”, “hệ sinh thái tự nhiên chống chịu” với thiên tai. Chủ động thích ứng với biến đổi

khí hậu. Xử lý dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại các đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, các dòng sông; ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm mới, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Tích hợp các tiêu chuẩn môi trường vào quy hoạch và phát triển bền vững: Đồng bộ hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch tài nguyên - môi trường. Áp dụng cơ chế “Người gây ô nhiễm phải trả tiền” và “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)”.

(Nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu tại Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện, trong đó tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm (**trước ngày 15/11**) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; kịp thời báo cáo và kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có), bảo đảm thực hiện đồng bộ kế hoạch này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Kế hoạch này.

4. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kiến nghị, đề xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh, các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu Cần Cỏ;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Bảo

Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 85/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành; Thời gian ban hành	Sản phẩm
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hoặc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 1730/KH-UBND ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 17-KH/TU ngày 10/01/2026 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	UBND các xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành cấp tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường, đặc khu; Các Sở, ngành cấp tỉnh; Quý II, III/2026	Kế hoạch
2	Kế hoạch triển khai/Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu	UBND tỉnh; 2027	Quyết định/ Đề án/Kế hoạch

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp ban hành; Thời gian ban hành	Sản phẩm
3	Kế hoạch triển khai Chương trình tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an xã chính quy để đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong quá trình xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá	Công an tỉnh	UBND các xã, phường, đặc khu.	Công an tỉnh; 2027	Kế hoạch
4	Kế hoạch triển khai/Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường, đặc khu.	UBND tỉnh; Trước 2030	Chương trình/ Kế hoạch
5	Kế hoạch triển khai/Đề án xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.	UBND tỉnh; 2027	Quyết định/ Đề án/Kế hoạch
6	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, cảnh báo sớm thiên tai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.	UBND tỉnh; Trước 2030	Phương án/ Kế hoạch
7	Kế hoạch/Đề án Phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu.	UBND tỉnh; 2027	Quyết định/ Đề án/Kế hoạch
8	Kế hoạch triển khai/Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ngành, UBND các xã có liên quan	UBND tỉnh; 2026-2027	Quyết định/ Đề án/Kế hoạch